

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày 24 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Ba

Bà Trần Thị Bích Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Khắc Đ, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1973; nơi sinh và cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị M; có vợ: Tạ Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phùng Văn A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu 1, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Ông Đỗ Xuân C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Kim Thị Hồng L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2015, Nguyễn Khắc Đ hợp đồng thuê nhà của bà Nguyễn Thị B ở thôn C, xã N để mở quán tắm mát Massage TĐ (địa điểm quán tại thôn L, xã N). Do quá trình hoạt động kinh doanh bị thua lỗ, không có tiền để trả các khoản nợ nên Đ nảy sinh ý định lừa đảo, chiếm đoạt xe mô tô của chị Nguyễn Thị TH đem bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2017, Đ điện thoại cho chị TH hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERSX, màu vàng đen, biển kiểm soát: 88G1-286.XX và nói dối là đi tỉnh Tuyên Quang để đón nhân viên về làm việc và hẹn vài ngày sẽ trả. Khoảng 6 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2017 chị TH đem xe mô tô cùng giấy đăng ký xe, giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự đến quán TĐ giao cho Đ mượn. Sau đó Đ không đi tỉnh Tuyên Quang như đã nói với chị TH mà đem xe cùng giấy tờ xe đến bán cho anh Phùng Văn A ở khu 1, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y với giá 15.000.000đ. Số tiền này Đ dùng để trả nợ tiền thuê nhà cho bà Nguyễn Thị B, tiền mua điều hòa cho ông Đỗ Xuân C.

Khoảng 03 ngày sau, chị TH đến quán TĐ đòi xe, thì Đ cho biết đã cầm cố cho anh Phùng Văn A và hứa sẽ chuộc lại xe để trả cho chị TH. Sau đó, chị TH đã nhiều lần tìm gặp và điện thoại yêu cầu Đ trả xe nhưng Đ không có khả năng chuộc lại xe như đã hứa và có biểu hiện lẩn trốn. Vì vậy, ngày 06 tháng 01 năm 2019 chị TH làm đơn trình báo và đề nghị Công an huyện Yên Lạc giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/2019/KL-ĐG ngày 21 tháng 01 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Lạc, kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát: 88G1-286.XX, nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERSX, màu vàng đen, trị giá 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng chẵn).

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Sau khi mua của Đ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 88G1-286.XX, anh A đã cho anh Nguyễn Quang CH, sinh năm 1980 ở thôn T, thị trấn Y, huyện Y mượn, đến nay anh CH chưa trả xe cho anh A. Hiện tại, anh CH vắng mặt tại địa phương, không xác định được đang ở đâu, nên chưa thu giữ được chiếc xe mô tô của chị TH. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa có kết quả.

Quá trình điều tra, Đ đã nộp tiền bồi thường và Cơ quan điều tra đã trả cho chị TH nhận đủ số tiền 18.000.000đ.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố bị cáo Nguyễn Khắc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Khắc Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo, vì thu nhập thấp, không ổn định. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho chị TH 18.000.000đ. Nay chị TH không có yêu cầu gì, nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Tôi biết hành vi của tôi là vi phạm pháp luật, tôi mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do cần tiền để trả các khoản nợ, Nguyễn Khắc Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 88G1-286.XX của chị Nguyễn Thị TH nên khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2017, Đ điện thoại cho chị TH hỏi mượn xe để lên tỉnh Tuyên Quang đón người làm. Khoảng 6 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2017 chị TH đem xe mô tô cùng giấy đăng ký xe giao cho Đ mượn, Đ đã đem xe đi bán cho anh Phùng Văn A được 15.000.000đ. Tài sản Đ chiếm đoạt của chị TH có giá trị 18.000.000đ.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Khắc Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 139 quy định:

“Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị TH về tài sản, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân thì thấy bị cáo là người có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động chân chính, tìm phương pháp khắc phục khó khăn trong cuộc sống mà lại tìm cách kiếm tiền bằng thành quả lao động của người khác dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải lên mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Song, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại; có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba, có công giúp Cách mạng Lào thời kỳ 1945-1975 và là Thương binh hạng 3/4. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên cần được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình và chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản,...”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp của bị cáo không ổn định, mức thu nhập thấp và không có tài sản gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với anh Phùng Văn A là người mua chiếc xe mô tô do Đ bán cho. Nhưng Đ nói là xe của đứa em, Đ có toàn quyền quyết định và thấy xe có giấy tờ đầy đủ nên anh A đồng ý mua. Xét thấy việc mua xe của anh A không có dấu hiệu của tội phạm, nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Việc Đ dùng số tiền bán xe của chị TH để trả nợ cho bà Nguyễn Thị B và ông Đỗ Xuân C. Do bà B và ông C đều không biết đó là tiền do Đ phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý và không thu hồi số tiền Đ đã trả cho bà B và ông C.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu được chiếc xe mô tô của chị TH do Đ bán cho anh A, vì anh A cho anh Nguyễn Quang CH mượn nhưng không xác định được hiện anh CH đang ở đâu. Chị TH yêu cầu Đ thanh toán giá trị bằng tiền theo giá mà Hội đồng định giá kết luận và Đ đã bồi thường cho chị TH nhận đủ tiền, nay chị

TH, anh A và Đ đều không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Khắc Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khắc Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khắc Đ 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Khắc Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Khắc Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng (05 bản);
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương